

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH
(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

BẢN THUYẾT MINH

Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 218/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
- Phụ lục đi kèm Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung danh mục tài sản trong Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chi tiết tại Mục A (máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh), Mục B (Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc), Mục C (Máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên môi trường số), Mục	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau: 1. Bổ sung điểm e, điểm g vào Khoản 1 Điều 1 như sau: “e) Quyết định số lượng, mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo quy định tại Mục C ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. g) Quyết định số lượng, mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số theo quy định tại Mục D ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg”.	Để triển khai và thực hiện Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ thì việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 218/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 là cần thiết.

D (Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật trên môi trường số). - Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng và mức giá; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng”. - Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “1. Đối với các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải	2. Bổ sung cụm từ “và Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi là Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg).” vào sau cụm từ “(sau đây gọi là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg)” tại khoản 2 Điều 1. Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh của cơ quan, đơn vị mình cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong trường hợp cần thiết.” Điều 3. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau: “Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật trên môi trường số Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho cơ quan	
---	--	--

<i>thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, ngoài việc được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) căn cứ vào khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước để quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.</i> <i>2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo</i>	nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền quyết định: 1. Số lượng, máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước. 2. Số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và nhu cầu sử dụng. 3. Mức giá của máy móc, thiết bị (từ số thứ tự số 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình có mức giá cao hơn mức giá tại Mục A, Mục B và máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trên cơ sở phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại	
--	---	--

<i>Quyết định này cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước”.</i>	máy móc, thiết bị tương ứng.”. Điều 4. Điều khoản thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ...năm 2026. 2. Quy định chuyển tiếp Trường hợp đã trang bị máy móc, thiết bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	
--	---	--